

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BITS** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH04134** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Luật Dân sự và Tổ tụng DS**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997			7	7.0	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6
2	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982			8.5	9.0	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6
3	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962			7.5	7.5	7.5	7.5	7.5		8.5		8.1
4	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972			7.5	7.5	7.5	7.5	7.5		8.5		8.1
5	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985			7	7.0	7.0	7.0	8.0		7.5		7.4
6	2253801012805	Nguyễn Văn	Hậu	25/05/2002			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988			7	7.0	7.0	7.0	8.0		8.0		7.7
8	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001			6	7.0	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6
9	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993			8	8.0	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0
10	2253801012813	Lê Nhứt Diệu	Lành	07/07/2006			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992			9	9.0	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6
12	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988			8	8.0	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3
13	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973			7.5	7.5	7.5	7.5	8.0		10.0		9.0
14	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001			8	8.0	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6
15	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001			7	7.5	8.5	8.5	8.0		8.5		8.3
16	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968			8.5	8.5	8.5	8.5	8.5		9.0		8.8

Châu Đốc, ngày 12 tháng 9 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền